

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **388/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/7/2019

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Hoàng Hoa;

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh – kiểm sát viên;

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngô Thị A**, sinh năm 1975 (có mặt).

Trú tại: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Hữu B**, sinh năm 1974 (xin vắng mặt).

Trú tại: Ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Ngô Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu B qua tìm hiểu và chung sống với nhau năm 1996, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 77 quyền số 01/2002 ngày 18/9/2002. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị mất niềm tin nơi anh B nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị và anh B hiện đã ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết C, sinh ngày 09/9/2001 hiện đang sống chung với chị, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu B có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị A;

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết C, sinh ngày 09/9/2001 hiện đang sống chung với chị A, đồng ý để chị A được tiếp tục nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, thẩm phán đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa các đương sự có thực hiện đúng các qui định về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận và kết luận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và xin tiếp tục nuôi con chung của chị A có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B và giao cháu C cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng (kèm theo bài phát biểu có tại hồ sơ vụ án);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của chị Ngô Thị A tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Hữu B qua tìm hiểu, tự nguyện sống chung và cưới nhau năm 1996, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 quyền số 01/2002 ngày 18/9/2002 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Hữu B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B theo qui định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa chị A xin ly hôn với anh B, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh B có người phụ nữ khác chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi. Khoảng cách vợ chồng ngày càng xa dần, tình cảm lạnh nhạt và hiện không còn nữa. Nay chị A kiên quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét mâu thuẫn giữa chị A với anh B hiện rất trầm trọng dẫn đến vợ chồng ly thân không hàn gắn được, mục đích hôn nhân hiện tại không đạt được. Phía anh B có ý kiến cũng đồng ý ly hôn nên Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A với anh B là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết C, sinh ngày 09/9/2001 hiện đang sống chung với chị A, chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung của chị A là phù hợp với nguyện vọng và ý chí cháu C và phía anh B cũng đồng ý để cháu C sống chung với chị A nên giao chị A tiếp tục nuôi cháu C là phù hợp qui định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Ngô Thị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị A đối với anh Nguyễn Hữu B;

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị A với anh Nguyễn Hữu B;

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Tuyết C, sinh ngày 18/7/2017 cho chị A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Ngô Thị A phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0015746 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên xem như nộp xong án phí.

Chị Ngô Thị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hữu B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ

(đã ký và đóng dấu)

NGUYỄN THỊ MỸ LIL